Cơ quan: Ủy ban nhân dân huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam
Email: ubndbactramy@quangnam.gov.vn
Thời gian ký: 29.11.2022 16:48:49 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5748/QĐ-UBND	*Bắc Trà My, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Chợ Trà Bui
Địa điểm: Xã Trà Bui, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND huyện về bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023, danh mục dự án thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư trên địa bàn huyện Bắc Trà My;

Căn cứ Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND huyện Bắc Trà My về việc triển khai Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30/9/2022;

Căn cứ Công văn số 3109/UBND-TCKH ngày 15/11/2022 của UBND huyện về việc hướng dẫn xác định số đối ứng thực hiện 3 Chương trình MTQG;

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 597/TTr-BQL ngày 18/10/2022 của BQL Dự án - Quỹ đất huyện Bắc Trà My về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Chợ Trà Bui; Công văn số 431/BQL ngày 09/11/2022 của BQL Dự án – Quỹ đất huyện về thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Chợ Trà Bui, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 127/KQTTra ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH TVXD Quảng Nam;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 249/TTr-KTHT ngày 28/11/2022, kèm theo kết quả thẩm định số 537/KTHT ngày 28/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công công trình: Chợ Trà Bui, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Chợ Trà Bui;

2. Người quyết định đầu tư: UBND huyện Bắc Trà My;

3. Chủ đầu tư: BQL Dự án – Quỹ đất huyện Bắc Trà My.

4. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Chợ Trà Bui góp phần hoàn thiện tiêu chí về cơ sở hạ tầng trong quá trình xây dựng nông thôn mới của xã, đảm bảo đời sống sinh hoạt, giao thương buôn bán và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân địa phương, từng bước hoàn thiện khu trung tâm hành chính xã.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. Quy mô xây dựng:

- Nhà chợ chính: Diện tích xây dựng 328,6m^2.

- Nhà chứa rác: Diện tích xây dựng 13,44m^2.

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng 18m^2.

- Bể nước ngầm: Thể tích chứa 16,62m^3.

- Sân bê tông : Diện tích sân bê tông 510,5m^2.

- Mương thoát nước: chiều dài mương thoát nước nội bộ 168,95m.

5.2 Giải pháp thiết kế:

- Nhà chợ chính: Móng trụ, trụ cột, dầm sàn BTCT đá 1x2 mác 250; móng tường bê tông đá 2x4 mác 150; tường xây gạch không nung; bậc cấp xây gạch đặc không nung; tô trát sơn 3 nước không bả; hệ kèo mái, xà gồ bằng thép hình sơn chống rỉ; mái lợp tôn sóng vuông mạ màu; lắp đặt lam treo trang trí, cửa sắt kéo, khung nhôm kính; hệ thống điện, chống sét hoàn chỉnh công trình.

- Nhà rác: Móng tường bê tông đá 2x4 mác 150, giằng móng giằng tường BTCT đá 1x2 mác 250; tường xây gạch không nung; tô trát, sơn màu không bả hoàn thiện công trình.

- Nhà vệ sinh: Móng trụ, trụ, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250; móng tường bê tông đá 2x4 mác 150; nền, bậc cấp lát gạch ceramic; tường xây gạch không nung, tường trong vệ sinh ốp gạch ceramic; bậc cấp xây gạch đặc không nung; tô trát, sơn màu không bả; hệ thống điện, nước hoàn thiện công trình.

- Bể nước ngầm: Móng tường, tường bể nước đá 1x2 mác 200; tấm đan đậy bể BTCT đá 1x2 mác 250; hoàn thiện láng VXM đáy và thành bể nước, lắp đặt ống xả đáy.

- Sân bê tông: Đá 2x4 mác 200.

- Mương thoát nước: Bê tông đá 1x2 mác 200, tấm đan đậy mương BTCT đá 1x2 mác 250, hoàn thiện láng VXM.

6. Đơn vị tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng An Sinh Phú.

7. Đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH TVXD Quảng Nam.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Trà Bui, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

9. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV;

10. Số bước thiết kế: 01 bước;

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng chủ yếu:

- TCVN 2737-2020: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông & BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5573:2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; TCXD 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình; TCXD 9207-2012: Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế; TCXD 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7447: 2007: Tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng - phần an toàn điện; TCXDVN 4513:88. Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế; TCXDVN 4513:88. Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế; TCXDVN 33:2006. Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 9385 : 2012: Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống; Các văn bản pháp quy hiện hành về xây dựng cơ bản khác;

12. Tổng mức đầu tư: 2.945.809.000 đồng. *(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm lẻ chín ngàn đồng)* Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 2.411.958.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 102.006.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 242.927.000 đồng
- Chi phí khác : 48.641.000 đồng
- Dự phòng : 140.277.000 đồng

(Chi tiết có bảng tổng hợp kèm theo)

13. Nguồn vốn: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 2.094.000.000 đồng

- Vốn ngân sách tỉnh: 296.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách huyện: 555.809.000 đồng

14. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. BQL Dự án – Quỹ đất huyện (chủ đầu tư) có trách nhiệm hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục liên quan theo đúng hồ sơ công trình đã được phê duyệt; quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc BQL Dự án – Quỹ đất, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và thủ trưởng các đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Toại

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: CHỢ XÃ TRÀ BUI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRÀ BUI, HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Bắc Trà My)

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	KÍ HIỆU	CÁCH TÍNH			GIÁ TRỊ DỰ TOÁN (SAU THUẾ)	GHI CHÚ
I	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**	**Gxd1+…+Gxd5**			**2.411.958.000**	
1	Nhà chợ chính	Gxd1	Bảng THCP hạng mục			1.509.684.000	
2	Nhà vệ sinh	Gxd3	Bảng THCP hạng mục			363.869.000	
3	Nhà chứa rác	Gxd4	Bảng THCP hạng mục			41.138.000	
4	Bể nước	Gxd5	Bảng THCP hạng mục			71.610.000	
5	Sân bê tông - mương thoát nước	Gxd6	Bảng THCP hạng mục			425.657.000	
II	**Chi phí quản lí dự án**	**DA**	**Gxd1/1,1***	**3,446%**	**1,35**	**102.006.000**	
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**TV**	**TV1 + …+ TV4**			**242.927.000**	
1	Giám sát thi công xây dựng	TV1	Gxd*	3,285%	*1,2	95.079.000	
2	Chi phí lập BC KTKTXD	TV2	Gxd*	5,427%	/1,1*1,08	128.517.000	
3	Chi phí thẩm tra BC KTKT	TV3	Gxd*	0,508%	/1,1*1,08	8.911.000	
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	TV3	Gxd*	0,432%		10.420.000	
IV	**Chi phí khác**	**K**	**K1 + ...+ K6**			**48.641.000**	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	K1	Gxd*	0,110%		2.653.000	
2	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	K2	Gxd*	0,100%		2.412.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K3	(TMĐT)*	0,570%	*50%	8.396.000	
4	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	K4	(TMĐT)*	0,960%		28.280.000	
5	Lệ phí thẩm định BCKTKT	K5	(TV3)*	15,000%		1.337.000	
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	K6	Bảng tính			5.563.000	
V	**Chi phí dự phòng**	**DP**	**DP1**			**140.277.000**	
1	Chi phí dự phòng khối lượng (5%)	DP1	(Gxd+DA+TV+K)*5%			140.277.000	
	Tổng cộng:	**T**	**Gxd+DA+TV+K+DP**			**2.945.809.000**	

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm lẻ chín ngàn đồng chẵn./.)